

Số: 53/2024/QĐST-HNGĐ

Đơn Dương, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 330/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 20243 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: số F thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Tạm trú tại: số A thôn P, xã P, huyện Đ, Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: số F thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phạm Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung giữa bà **T** và ông **Đ** như sau:

+ Giao cho ông **Phạm Văn Đ** được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất qua đo đạc thực tế là 65m² đất ONT thuộc thửa đất 876 tờ bản đồ số 14 **xã K** (Theo giấy chứng nhận QSD đất số AA186812, do **UBND huyện Đ** cấp ngày 09/8/2004, diện tích đất được cấp theo giấy CNQSD đất là 59m² đất ONT) cùng tài sản trên đất gồm 01 căn nhà xây 01 tầng có tổng diện tích 87,72m². (Kèm theo bản vẽ đo đạc hiện trạng do Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ** cung cấp ngày 02/4/2024).

Ông **Phạm Văn Đ** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Nguyễn Thị Thu T** số tiền chênh lệch chia tài sản chung là 1.026.000.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng).

+ Bà **Nguyễn Thị Thu T** được quyền sở hữu số tiền 1.026.000.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu đồng) do ông **Phạm Văn Đ** thanh toán nghĩa vụ chênh lệch chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà **Nguyễn Thị Thu T** và ông **Phạm Văn Đ** thống nhất xác nhận không có khoản nợ chung.

- Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Thu T** và ông **Phạm Văn Đ** hiện nay là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS Đơn Dương;
- UBND xã Ka Đô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Kim Ngân